

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (General information)

- Tên học phần (tiếng Việt) : **Luật môi trường**
- Tên học phần (tiếng Anh) : **Law on Environmental Protection**
- Mã học phần : **LE2008**
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần : ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức cơ sở ngành
 - ☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
 - ☐ Kiến thức cuối khoá
- Thuộc thành phần
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Khoa Kinh tế - Quản trị, Bộ môn Luật
- Số tín chỉ : 2 (2,0,4)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
 - Lên lớp (lý thuyết): 30 giờ
- Phân bổ thời gian
 - Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 0 giờ
 - Tự học, tự nghiên cứu: 70 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước : Không
- Học phần song hành : Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (Course description)

Luật môi trường là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung môn học này đề cập là một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, môn học còn đề cập các

khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ:

	Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	O1	Hiểu các nội dung cơ bản: một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường, gồm các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học như: kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này
Kỹ năng	O2	Phân tích được tình huống và lựa chọn quy định pháp luật để áp dụng xử lý các tình huống pháp lý. Tổng hợp, hệ thống hoá, tự cập nhật các nguồn tài liệu và văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Phân tích được các quy định, các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết vụ việc liên quan đến môi trường.
	O3	- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề; - Thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn. - Vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp phù hợp; - Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. - Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; - Chủ động trong đánh giá, phản biện các nội dung mâu thuẫn.
Mức tự chủ và trách nhiệm	O4	- Rèn luyện sinh viên có các phẩm chất chính trị, đạo đức như sau: có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh

		thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc. - Người học có khả năng phân tích, đánh giá thực tiễn, đồng thời hình thành tư duy độc lập về các nội dung - Người học có ý thức về việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. - Hình thành tính cách tự tin, chủ động trong nghiên cứu khoa học. - Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học.
--	--	---

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

O _x	CLO _x	PLO _x
O1	CLO1. Hiểu các quy định của pháp luật về môi trường; Hình thành được nhận thức chung về quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	PLO1, PLO2, PLO3
	CLO2. Ghi nhớ các khái niệm trong Luật bảo vệ môi trường	PLO1, PLO2, PLO3
	CLO3. Có khả năng phân tích để hiểu rõ bản chất các vấn đề pháp lý, các quy trình liên quan đến Luật bảo vệ môi trường	PLO1, PLO2, PLO3
O2	CLO4. Vận dụng được những kiến thức pháp luật để tham gia tư vấn pháp luật bảo vệ môi trường	PLO1, PLO2, PLO3
	CLO5. Giải thích, bình luận được các quy định pháp luật về pháp luật bảo vệ môi trường.	PLO1, PLO2, PLO3
O3	CLO6. Thuyết trình, có khả năng lập luận, phản biện để bảo vệ quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan. Đánh giá được các quy định pháp luật về Luật bảo vệ môi trường hiện hành.	PLO1, PLO2, PLO3
	CLO7. Biết cách tìm kiếm, tra cứu, lựa chọn tài liệu để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	PLO1, PLO2, PLO3

O4	CLO8. Biết hợp tác, tích cực làm việc trong nhóm hiệu quả để giải quyết các nhiệm vụ được giao.	PLO3, PLO5	PLO4,
----	--	---------------	-------

1. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content, Lesson plan)

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH DẠY HỌC (Course content)

(theo bài giảng)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
1	Chương 1. Khái niệm Luật môi trường 1.1. Khái niệm môi trường 1.2. Khái niệm bảo vệ môi trường 1.3. Khái niệm luật môi trường	3		6		9
2	Chương 2. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường 2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường 2.2. Các hình thức pháp lí của kiểm soát ô nhiễm môi trường	3		6		9
3	Chương 3. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học 3.1. Vấn đề đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học 3.2. Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học	3		6		9
4	Chương 4. Pháp luật về đánh giá môi trường 4.1. Khái niệm đánh giá môi trường 4.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường.	3		6		9

		Số giờ				
Số TT	Nội dung (tên bài giảng)					TỔNG
5	4.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về kế hoạch bảo vệ môi trường. Chương 5. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 1.1. Không khí và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người. 1.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí.	3		6		9
6	Chương 6. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước 6.1. Nước và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người. 6.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 6.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước	3		6		9
7	Chương 7. Pháp luật về suy thoái đất 7.1. Tài nguyên đất và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người. 7.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất 7.3. Xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên đất	3		11		14
8	Chương 8. Pháp luật về suy thoái rừng 8.1. Rừng và vấn đề suy thoái rừng 8.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát suy thoái rừng.	3		11		14
9	Chương 9. Giải quyết tranh chấp môi trường 9.1. Tranh chấp môi trường và những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường 1. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường.	3		6		9

STT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		3		6		
30	Chương 10. Thực thi các điều ước quốc tế về môi trường ở Việt Nam 10.1. Các giải pháp để giải quyết vấn đề môi trường toàn cầu và vai trò của các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm môi trường. 10.2. Những quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam xuất phát từ các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm. 10.3. Việc thực thi các nghĩa vụ cơ bản trong các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm ở Việt Nam					9
Tổng		30	0	70		100

(Chú ý: 1 tín chỉ phải đảm bảo tổng là 50 giờ)

5.2. Thực hành:

Không

4. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (Teaching – Learning methods):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: thuyết giảng, hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, bài tập, bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

6.2. Phương pháp học:

- Lý thuyết: nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, tổng hợp tài liệu, làm bài tập về nhà, làm bài tập theo nhóm
- Thực hành: Không

5. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

7.1. Tài liệu dạy học

[1] Trường Đại học Luật Hà Nội - Giáo trình Luật môi trường -NXB Công an nhân dân

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Luật tài nguyên nước.
2. Luật đất đai.
3. Luật lâm nghiệp

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- [1] Laptop
- [2] Slides
- [3] Máy chiếu

[4] Viết và bảng

[5] Micro

6. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt ác học phần được tính vào điểm trung bình học tập)	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Đạt (các học phần chỉ yêu cầu đánh giá “Đạt” và không tính điểm trung bình học tập)	Từ 5,0 trở lên	P	
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic ...	10%
	Kiểm tra thường xuyên	Trắc nghiệm	Rubic ...	20% - 30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
		...		
Kết thúc học phần	Thi	Trắc nghiệm / Tự luận	Rubic ...	60% - 70%

(Tỷ lệ Thi kết thúc học phần: Khối Sức khỏe 70% - Khối ngoài Sức khỏe 60%)

7. MA TRẬN (*Matrix*):

- ❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: (nên có ma trận này)

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)
CLO1	H	H	H	H	H
CLO2	H	H	H	H	H
CLO3	P	P	P	P	P
CLO4	S	S	S	S	S

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

Ngoài ra có thể viết thêm ma trận khác nếu có điều kiện:

- ❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)							
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)			
Thuyết trình	H	H	H	H	H			
Thảo luận nhóm	P	P	P	P	P			
Hỏi – trả lời	S	S	S	S	S			
Báo cáo chuyên đề								
Bài tập								
....								

- ❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(4)	(6)	(8)	(13)	(15)				
Lý thuyết	H	H	H	H	H				
Điểm chuyên cần	P	P	P	P	P				
Điểm kiểm tra MCQ	H	H	H	S	S				
Điểm thi kết thúc MCQ	H	H	H	P	P				
Thực hành									
Kế hoạch thực hành, bệnh án ...									
Thi kết thúc									

❖ Ma trận tương thích nội dung dạy – học và chuẩn đầu ra của học phần

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và nội dung dạy – học

8. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (*Scoring guide/Rubric*):

Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần

Số giờ HP Số giờ vắng	Mức điểm Thang điểm 10	Ghi chú
0%	10	
> 0% - 10%	9	Có phép
> 0% - 10%	7	Không có phép
....		
> 25%	0	Không được dự thi kiểm tra học phần

Rubic 2: thang điểm chấm bài trắc nghiệm (kiểm tra thường xuyên).

Rubic 3: Đánh giá bài báo cáo nhóm

Rubic 4: Đánh giá thuyết trình nhóm

Rubic 5: Đánh giá hoạt động cá nhân tự học

- Bài tập cá nhân
- Tham gia hoạt động nhóm
- Hoạt động trong giờ học trên lớp

Rubic 6: Thang điểm chấm bài thi thực hành

Rubic 7: Thang điểm chấm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ

9. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào ngày thứ hàng tuần tại Văn phòng khoa ...

Tp.HCM, ngày tháng năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Mai Thị Trúc Ngân

ThS. Đinh Thị Cẩm Hà

ThS Phạm Hải Sơn